CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH **BẮC TRUNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 498/01/TB-BTN *"V/v thông báo đấu giá tài sản"*	*Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ (LẦN 2)
Gói 2: TSCĐ, VTTB thu hồi là chất thải nguy hại của Công ty Điện lực Nam Từ Liêm

1. Tên địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam

Địa chỉ: 6/4 Mạc Thái Tổ, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Tên địa chỉ Người có tài sản: Công ty Điện lực Nam Từ Liêm

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội.

3. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm:

a. Tài sản đấu giá: **Gói 2:** TSCĐ, VTTB thu hồi là chất thải nguy hại (có danh mục kèm theo)

b. Giá khởi điểm (đã bao gồm thuế VAT): **47.635.950 đồng** *(Bằng chữ: Bốn bảy triệu, sáu trăm ba năm nghìn chín trăm năm mươi đồng)*

Ghi chú: Mọi chi phí liên quan đến việc tháo dỡ, di dời, vận chuyển, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản (nếu có) do người mua được tài sản đấu giá chịu.

c. Chất lượng tài sản: Kém mất phẩm chất.

d. Nguồn gốc và tình trạng pháp lý của tài sản: Là tài sản, vật tư thiết bị thanh lý không có nhu cầu sử dụng.

4. Thời gian-địa điểm xem tài sản: Giờ hành chính ngày 17/10 và ngày 18/10/2023.

Địa điểm xem tài sản: Tại kho Công ty Điện lực Nam Từ Liêm. Liên hệ xem tài sản: Mrs Lý 0963813989.

5. Thời gian tham khảo, bán hồ sơ và địa điểm đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian bán/nộp hồ sơ và đăng ký tham gia đấu giá: Giờ hành chính từ ngày 11/10 đến ngày 20/10/2023.

- Tiền bán hồ sơ: **100.000 đồng**/01 bộ hồ sơ.

b) Địa điểm bán hồ sơ, mở tài khoản đăng ký tham gia đấu giá:

+ Khách hàng tham gia đấu giá tự đăng ký mở tài khoản, mua và nộp hồ sơ trực tiếp qua hệ thống đấu giá trực tuyến có tên miền **http://daugiabtn.com** của Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam theo hướng dẫn hoặc liên hệ mua hồ sơ và mở tài khoản trực tiếp tại: VP Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam; Địa chỉ: 6/4 Mạc Thái Tổ, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; ĐT 0243.7820483 - Ms Lan: 0936249786.

+ VP Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam tại TP Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 6/5 Phạm Văn Hai, P2,Tân Bình, HCM. ĐT: 028 36208369; Mrs Vân: 0326169708 **(chỉ tham khảo hồ sơ).**

c) Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải xuất trình bản chính (để đối chiếu) và **02 bộ sao y công chứng thời hạn 06 tháng**, đồng thời nộp hồ sơ hợp lệ và tiền đặt trước cho tổ chức đấu giá đúng hạn theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản cụ thể như sau:

(i) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh + CMND/CCCD của Chủ doanh nghiệp (Giấy giới thiệu hoặc Giấy ủy quyền và CCCD/CMND của Người đến liên hệ - nếu không phải chủ doanh nghiệp);

(ii) Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH) đang còn hiệu lực, có mã chất thải nguy hại liên quan đến lô tài sản thanh lý như sau: **15 01 01; 17 03 04; 19 02 06**, có địa bàn hoạt động phù hợp.

+ Đồng thời, khách hàng đăng ký tham gia đấu giá các hạng mục tài sản có điều kiện phải có Cam kết về công suất cho phép Công ty xử lý CTNH cho từng loại, mã CTNH, công suất xử lý CTNH còn lại phải đảm bảo đủ điều kiện tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá.

+ Việc vận chuyển tài sản có thành phần chứa CTNH từ Kho chứa tài sản đấu giá đến cơ sở lưu giữ, xử lý của khách hàng phải đảm bảo theo đúng qui định pháp luật về môi trường (nếu có).

+ Phải có cam kết vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định và công xuất xử lý của nhà máy còn dư không vượt quá thiết kế.

+ Người trúng đấu giá phải có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ chứng từ xử lý các chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật cho bên chủ tài sản trong thời gian 03 tháng kể từ ngày hoàn thành việc bàn giao tài sản.

7. Thời gian nhận tiền đặt trước: Từ ngày 18/10 đến ngày 20/10/2023.

Tiền đặt trước: 9.527.000 đồng *(Bằng chữ: Chín triệu năm trăm hai bảy nghìn đồng)*

Phương thức nộp: Thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế cuộc đấu giá.

8. Hình thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tuyến, theo phương thức trả giá lên.
- Bước giá: **1.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn).*
- Không hạn chế số lần trả giá của khách hàng. Người trả giá sau phải trả giá cao hơn người trả giá trước ít nhất là 01 bước giá.

9. Thời gian, địa điểm mở cuộc đấu giá:

Thời gian bắt đầu trả giá : **09h30 ngày 23/10/2023;**

Thời gian kết thúc cuộc đấu giá : **10h00 ngày 23/10/2023.**

- Địa điểm: Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến daugiabtn.com của Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam.

Khách hàng có nhu cầu liên hệ trực tiếp tại các địa chỉ trên hoặc tìm hiểu thêm thông tin tại trang web: **www.daugiabtn.com** của Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam.

Nơi nhận:
- *Bên có TS bán đấu giá (để phối hợp)*
- *Niêm yết tại VP công ty, VP CN, nơi để tài sản;*
- *Các trang điện tử để đăng thông tin bán đấu giá;*
- *Khách hàng tham gia đấu giá (để thực hiện);*
- *Lưu hồ sơ đấu giá.*

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ:02-C.T.H.D CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH BẮC TRUNG NAM Q.CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Phụ Lục

DANH MỤC TSCĐ, VTTB THU HỒI LÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI ĐỢT 1 NĂM 2023

(Kèm theo công văn số /PCNAMTULIEM-KHVT ngày tháng năm 2023)

STT	Mã VTTB	Tên vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tối thiểu đem bán đấu giá	Tỷ suất thuế (%)	Thuế VAT	Thành tiền(bao gồm thuế VAT)
GÓI I : DANH MỤC TSCĐ, VTTB THU HỒI LÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI								
A	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**							
1	1.31010102.0001214	D5Ô tô SusuKi Windowvan SK410 loại 07 chỗ, biển số: 30T 5380	Cái	1,00	6.500.000	10	650.000	7.150.000
2	1.23010800.0001160	D5MICROMET CHINH SO	Bộ	1,00	11.000	10	1.100	12.100
3	1.21304200.0000712	D5Bộ kiểm định Ctơ 3 pha lưu động	Máy	1,00	33.000	10	3.300	36.300
4	1.23015900.0001164	D5Đồng hồ đo nhiều chức năng FLuke	Máy	1,00	33.000	10	3.300	36.300
5	1.46000000.0002955	D5Máy đo dòng, áp, CS, góc pha, hài & PT chất lượng ĐN Fluke 434 - I	Máy	1,00	33.000	10	3.300	36.300
6	1.46000000.0002956	Hợp bộ đo U, I, P (một pha)	Bộ	1,00	11.000	10	1.100	12.100
7	1.46000000.0002957	Hợp bộ kiểm tra vector cho công tơ cơ	Bộ	1,00	11.000	10	1.100	12.100
8	1.46000000.0002958	Hợp bộ kiểm tra vector cho công tơ cơ	Bộ	1,00	11.000	10	1.100	12.100
9	1.21301236.0000622	UPS 10 kVA, 10082584670002	Bộ	1,00	50.000	10	5.000	55.000
10	1.21301236.0000623	UPS 10 kVA, 10082584670008	Bộ	1,00	50.000	10	5.000	55.000
Cộng A					**6.743.000**		**674.300**	**7.417.300**
B	**Kho R54-Kho thu hồi thanh lý (CL≤50%)**							
1	3.42.24.625.000.00.D00	LBS kiểu hở-Dầu-22kV-630A-16kA/1s-Cách điện sứ gốm-CO bằng tay	Bộ	2,00	1.489.600	8	119.168	1.608.768
2	3.42.24.633.000.25.D00	LBS kiểu hở-Dầu-22kV-630A-25kA/s-cách điện Polymer-CO bằng tay	Bộ	8,00	10.800.000	8	864.000	11.664.000
3	3.42.24.633.CZE.25.D00	LBS kiểu hở-Dầu-22kV-630A-25kA/s-Cách điện polymer-CO bằng tay	Bộ	1,00	744.800	8	59.584	804.384
4	3.56.20.127.VIE.00.D00	Máy biến điện áp-22kV-100V-0,5/3P-Dầu	Quả	3,00	3.000.000	8	240.000	3.240.000
5	3.64.14.203.000.00.D00	Bình tụ bù hạ áp 3 pha-440V-20kVAR	Bình	2,00	133.056	10	13.306	146.362
6	3.64.14.303.000.00.D00	Bình tụ bù hạ áp 3 pha-440V-30kVAr	Bình	12,00	2.014.936	10	201.494	2.216.430
7	3.64.14.303.KOR.00.D00	Bình tụ bù hạ áp 3 pha-440V-30kVAr	Bình	3,00	298.320	10	29.832	328.152
8	3.64.14.406.000.00.D00	Bình tụ bù hạ áp 3 pha-440V-50kVAR	Bình	2,00	631.696	10	63.170	694.866
9	3.64.14.605.000.00.D00	Bình tụ bù hạ áp 3 pha-440V-60kVAR	Bình	4,00	120.000	10	12.000	132.000

STT	Mã VTTB	Tên vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tối thiểu đem bán đấu giá	Tỷ suất thuế (%)	Thuế VAT	Thành tiền(bao gồm thuế VAT)
10	8.73.05.408.000.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 10 (40A)A 220V, CCX1, có module PLC, mã VSE11-10	Cái	9,00	31.500	8	2.520	34.020
11	8.73.05.408.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 10 (40A)A 220V, CCX1, có module PLC, mã VSE11-10	Cái	23,00	80.500	8	6.440	86.940
12	8.73.05.800.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 5(80)A 220 V CCX1 mã hiệu DDS26D có module RF	Cái	17,00	59.500	8	4.760	64.260
13	8.73.05.800.VIE.02.D00	Công tơ điện tử 1 pha 3 giá đo đếm 2 chiều loại 5(80)A,220V,CCX1 Mã hiệu DDS26D có module RF	Cái	2,00	7.000	8	560	7.560
14	8.73.05.807.000.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 20(80)A 220 V CCX1 có module PLC, VSE11-20	Cái	20,00	70.000	8	5.600	75.600
15	8.73.05.807.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 20(80)A 220 V CCX1 có module PLC, VSE11-20	Cái	1,00	3.500	8	280	3.780
16	8.73.05.809.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V-230V, CCX1, module PLC, HHM-11, Cmis 584	Cái	47,00	164.500	8	13.160	177.660
17	8.73.05.811.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 5(80)A 220 V CCX1 có module RF mã hiệu DDS26D-11	Cái	1,00	3.500	8	280	3.780
18	8.73.05.812.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 1 biểu giá, 10(80)A, 220V, CCX1, module RF, CE-18, Cmis 654	Cái	104,00	364.000	8	29.120	393.120
19	8.73.05.851.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V, CCX1, module PLC, SF80C-10, Cmis 104	Cái	4,00	14.000	8	1.120	15.120
20	8.73.25.004.000.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha trực tiếp 1 biểu giá 3*5(100)A 230/400V CCX1 kiểu A1120	Cái	3,00	17.100	8	1.368	18.468
21	8.73.25.007.CHN.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha 1 biểu giá 3*10(100)A, CCX 1 - 220/380V-220/400V Loại DTS 27, không có module RF	Cái	10,00	57.000	8	4.560	61.560
22	8.73.25.008.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha 1 biểu giá 3*5(100)A, 220/380V-220/400V CCX 1- loại DTS 27, có module RF	Cái	3,00	17.100	8	1.368	18.468
23	8.73.25.013.000.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá, 5(100)A, 3x220/380V-230/400V, CCX1, module PLC, HHM-38, Cmis 587	Cái	14,00	107.478	8	8.598	116.076
24	8.73.25.015.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha 1 biểu giá, 5(100)A, 3x220/380V-230/400V, CCX1, module PLC, HHM-31, Cmis 586	Cái	21,00	119.700	8	9.576	129.276

STT	Mã VTTB	Tên vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tối thiểu đem bán đấu giá	Tỷ suất thuế (%)	Thuế VAT	Thành tiền(bao gồm thuế VAT)
25	8.73.25.017.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá, 5(10)A, 3x57,7/100V-240/415V, CCX0,5S, module PLC, HHM-38GT, Cmis 588	Cái	7,00	63.273	8	5.062	68.335
26	8.73.55.111.ENG.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá, 3x5(10)A, 3x58/100V÷240/415V, CCX 0.5S, module RS485, A1700, Cmis 772	Cái	57,00	515.223	8	41.218	556.441
27	8.73.55.210.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha 3 biểu giá, 3x5(6)A, 3x230/400V, CCX1, module PLC, VSE3T-5, Cmis 637	Cái	6,00	54.234	8	4.339	58.573
28	8.73.55.219.000.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá, loại trực tiếp 3*10(100A) 220/380V, CCX1 kèm cổng RS232, A1700	Cái	12,00	108.468	8	8.677	117.145
29	8.73.55.222.000.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá loại gián tiếp 3x5(6)A 57,5/100V-240/415V CCX 0,5 DTS27 có module RF	Cái	4,00	36.156	8	2.892	39.048
30	8.73.55.223.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha trực tiếp nhiều biểu giá 3x10(100)A, 3x230/400V, CCX1 có module PLC mã hiệu VSE3T-10	Cái	35,00	268.695	8	21.496	290.191
31	8.73.55.224.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá 3*5 (100)A, 3x(220/380-230/400)V, CCX1, DTS27 có module RF	Cái	1,00	9.039	8	723	9.762
32	8.73.55.226.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá, 3x10(100)A, 3x220/380V, CCX1, module PLC, TF100m-31, Cmis 307	Cái	3,00	23.031	8	1.842	24.873
33	8.73.55.227.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha 1 biểu giá, 3x10(100)A, 3x220/380V, CCX1, module PLC, TF100P-31, Cmis 306	Cái	2,00	11.400	8	912	12.312
34	8.73.55.253.VIE.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha 3 biểu giá, 3x50(100)A, 3x230/400V, CCX 1, module PLC, VSE3T-50, Cmis 640	Cái	12,00	92.124	8	7.370	99.494
35	8.73.55.255.000.00.D00	Công tơ điện tử 3 pha nhiều biểu giá loại trực tiếp 3x40A - 100A 220/380V.-CCX1, không kèm cổng RS232	Cái	1,00	9.039	8	723	9.762
Cộng B					**21.539.468**		**1.787.118**	**23.326.586**
C	**2. Kho T51_Kho vật tư thu hồi từ công trình ĐTXD không sử dụng được chờ thanh lý**							
1	3.42.24.625.000.00.D00	LBS kiểu hở-Dầu-22kV-630A-16kA/1s-Cách điện sứ gốm-CO bằng tay	Bộ	9,00	6.703.200	8	536.256	7.239.456

STT	Mã VTTB	Tên vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tối thiểu đem bán đấu giá	Tỷ suất thuế (%)	Thuế VAT	Thành tiền(bao gồm thuế VAT)
2	3.42.24.633.000.16.D00	LBS kiểu hở-Dầu-22kV-630A-16kA/s-Cách điện polymer-CO bằng tay	Bộ	7,00	5.213.600	8	417.088	5.630.688
3	3.42.24.636.000.16.D00	LBS kiểu hở-Dầu-35kV-630A-16kA/s-Cách điện polymer-CO bằng tay	Bộ	3,00	2.234.400	8	178.752	2.413.152
4	3.42.24.663.VIE.00.D00	LBS kiểu hở-Dầu-35kV-630A-16kA/1s-Cách điện sứ gốm-CO bằng tay	Bộ	2,00	1.489.600	8	119.168	1.608.768
Cộng C					**15.640.800**		**1.251.264**	**16.892.064**
Tổng cộng (A+B+C)					**43.923.268**		**3.712.682**	**47.635.950**